

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Đông Triều
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ - CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050”; Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 08/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2020”; Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020”; Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Đề án quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử Nhà Trần ở Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050”;

Căn cứ Quyết định số 397/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Thông báo số 252/TB-UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh “V/v kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe và cho ý kiến về đề án Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Thông báo số 177/TB-UBND ngày 22/6/2016 của UBND tỉnh “V/v kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện quy hoạch và công tác quản lý các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh...”;

Căn cứ Văn bản số 882/BXD-QHKT ngày 16/5/2016 của Bộ Xây dựng “V/v thỏa thuận đề án điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn ngoài năm 2050”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 259/TTr-SXD ngày 18/7/2016, đề nghị của UBND thị xã Đông Triều tại Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 30/6/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu:

1.1. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch trực tiếp theo ranh giới hành chính thị xã Đông Triều gồm 21 phường, xã với diện tích tự nhiên khoảng 396,6 km²; các giới hạn như sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Sơn Đông và huyện Lục Nam (Tỉnh Bắc Giang).

+ Phía Tây giáp thị xã Chí Linh (Tỉnh Hải Dương).

+ Phía Đông giáp thành phố Uông Bí.

+ Phía Nam giáp huyện Thủy Nguyên (Thành phố Hải Phòng) và huyện Kinh Môn (Tỉnh Hải Dương).

- Phạm vi nghiên cứu gián tiếp gồm các khu vực lân cận giáp ranh thị xã Đông Triều: Các huyện: Sơn Động, Lục Nam và khu vực di tích văn hóa phía Tây Yên Tử (Tỉnh Bắc Giang); thị xã Chí Linh và huyện Kinh Môn (Tỉnh Hải Dương); thành phố Uông Bí và huyện Thủy Nguyên (Thành phố Hải Phòng).

1.2. Thời hạn quy hoạch: Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2020, dài hạn đến năm 2030, tầm nhìn chiến lược đến năm 2050.

2. Tính chất, chức năng đô thị:

- Là đô thị phía Tây trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, là cửa ngõ kết nối tỉnh Quảng Ninh với vùng thủ đô Hà Nội, Đồng bằng sông Hồng và Vùng duyên hải Bắc Bộ.

- Là một trong những trung tâm văn hóa tâm linh kết nối với Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử (Thành phố Uông Bí), công nghiệp khai khoáng,

sản xuất điện năng và vật liệu xây dựng của tỉnh Quảng Ninh, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Quốc gia; trong đó phát triển hài hòa bền vững giữa công nghiệp khai thác than, vật liệu xây dựng, điện... và phát triển du lịch dịch vụ gắn với du lịch đồng quê, sinh thái, chất lượng cao với việc bảo tồn, phát huy các giá trị khu di tích lịch sử, văn hóa gốc nhà Trần tại Đông Triều.

- Là một trong những trung tâm sản xuất các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao theo hướng hiện đại, trung tâm giáo dục đào tạo, du lịch sinh thái, làng nghề của tỉnh Quảng Ninh và vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; là khu vực phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trở thành trọng điểm sản xuất chế biến nông nghiệp lớn của tỉnh.

3. Mục tiêu:

- Cụ thể hoá quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều; thống nhất với định hướng trong Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050 đã được phê duyệt.

- Xây dựng, phát triển thị xã Đông Triều đảm bảo các tiêu chí là đô thị đô thị loại III vào năm 2020, tương xứng với đô thị loại II vào năm 2030 trong tiểu vùng phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, là khu vực cửa ngõ của tỉnh Quảng Ninh; phát triển công nghiệp khai thác than, công nghiệp điện, sản xuất vật liệu xây dựng bền vững, hài hòa với phát triển nông nghiệp và du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh gắn với các khu di tích Yên Tử - Nhà Trần - Bạch Đằng.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, triển khai các chương trình phát triển và các dự án đầu tư.

4. Dự báo quy mô dân số, quy mô đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu đất đai và hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Quy mô dân số:

- Dự báo dân số thị xã Đông Triều đến năm 2020 khoảng 200.000 người, trong đó: Dân số đô thị khoảng 161.500 người, dân số ngoại thị khoảng 38.500 người.

- Dự báo dân số thị xã Đông Triều đến năm 2030 khoảng 220.000 người, trong đó: Dân số đô thị khoảng 181.000 người, dân số ngoại thị khoảng 39.000 người.

4.2. Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị:

- Giai đoạn đến năm 2020: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 4.035,26 ha, tương ứng với 250 m²/người; trong đó: Đất dân dụng 130 m²/người; đất ngoài dân dụng 120 m²/người.

- Giai đoạn đến năm 2030: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 4.500,52 ha, tương ứng với 249 m²/người; trong đó: Đất dân dụng 126 m²/người; đất ngoài dân dụng 123 m²/người.

4.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và cơ sở hạ tầng khác:

Tuân thủ theo quy định của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch đô thị 01:2008/BXD và các tiêu chí của đô thị loại II vào năm 2030.

5. Quy hoạch sử dụng đất theo yêu cầu phát triển các giai đoạn:

Stt	Danh mục đất	Dự báo năm 2020			Dự báo năm 2030		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	B.quân (m ² /ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	B.quân (m ² /ng)
A	Khu vực nội thị	16.841,0			16.841,0		
A1	Đất xây dựng đô thị (I+II)	4.035,4	100,0	250,0	4.500,3	100,0	249,0
I	Đất dân dụng	2.104,9	52,2	130,0	2.278,0	50,6	126,0
1	Đất đơn vị ở	1.197,6	29,7	74,0	1.291,6	28,7	71,0
2	Đất công trình phục vụ công cộng đô thị	233,5	5,8	14,0	240,6	5,4	13,0
3	Đất cây xanh công viên-thể dục thể thao	125,6	3,1	8,0	155,3	3,5	9,0
4	Đất giao thông đô thị	548,2	13,6	34,0	590,5	13,1	33,0
II	Đất ngoài dân dụng	1.930,5	47,9	120,0	2.222,3	49,4	123,0
1	Đất công nghiệp	261,9	6,5	16,0	261,9	5,8	14,0
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	152,8	3,8	9,0	152,8	3,4	8,0
3	Đất du lịch	49,6	1,2	3,0	269,1	6,0	15,0
4	Đất cơ quan, CTCC	83,5	2,1	5,0	101,3	2,3	6,0
5	Đất cây xanh cách ly	98,3	2,4	6,0	126,3	2,8	7,0
6	Đất các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu môi	40,3	1,0	2,0	40,3	0,9	2,0
7	Đất giao thông đối ngoại, cảng	440,0	10,9	27,0	488,5	10,9	27,0
8	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	53,4	1,3	3,0	53,4	1,2	3,0
9	Khu di tích lịch sử Nhà Trần	249,6	6,2	15,0	249,6	5,6	14,0
10	Đất An ninh - Quốc phòng	246,8	6,1	15,0	246,8	5,5	14,0
11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	118,7	2,9	7,0	138,7	3,1	8,0
12	Đất chuyên dụng khác (hạ tầng kỹ thuật khác, thủy lợi...)	135,6	3,4	8,0	93,6	2,1	5,0
A2	Đất khác	12.805,6	100,0	793,0	12.340,7	100,0	682,0
1	Đất nông nghiệp	5.378,6	42,0	333,0	4.659,9	37,8	257,0
2	Đất nông nghiệp đô thị (gắn liền với nhà ở theo mô hình nông nghiệp mới)	233,6	1,8	14,0	508,7	4,1	28,0
3	Đất lâm nghiệp	4.431,9	34,6	274,0	3.988,4	32,3	220,0
4	Sông suối, mặt nước	1.092,4	8,5	68,0	986,4	8,0	54,0
5	Đất chưa sử dụng	515,8	4,0	32,0	515,8	4,2	28,0
6	Đất dự trữ phát triển	0,0	0,0	0,0	561,8	4,6	144,0
7	Đất nuôi trồng thủy sản	941,8	7,4	58,0	839,3	6,8	46,0
8	Đất hoạt động khai thác	211,5	1,7	13,0	280,4	2,3	15,0
B	Khu vực ngoại thị	22.817,3			22.817,3		
B1	Đất xây dựng nông thôn (I+II)	2.541,0	100,0		3.052,7	100,0	
I	Đất xây dựng KDC nông thôn	435,6	17,2	113,0	435,6	14,3	112,0
1	Đất ở nông thôn	293,0	11,5	76,0	293,0	9,6	75,0
2	Đất CTCC sự nghiệp	7,6	0,3	2,0	7,6	0,3	2,0
3	Đất giao thông KDC nông thôn	100,0	3,9	26,0	100,0	3,3	26,0

4	Đất cây xanh công viên	35,0	1,4	9,0	35,0	1,2	9,0
II	Đất xây dựng ngoài khu dân cư nông thôn	2.105,4	82,9	547,0	2.617,1	85,7	671,0
1	Đất công nghiệp, CCN	0,0	0,0	0,0	200,0	6,6	51,0
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	622,1	24,5	39,0	622,1	20,4	34,0
3	Đất du lịch	0,0	0,0	0,0	352,6	11,6	19,0
4	Đất chuyên dụng khác (hạ tầng khác, di tích, thủy lợi...)	983,5	38,7	255,0	962,6	31,5	247,0
5	Đất giao thông đối ngoại	112,2	4,4	29,0	112,2	3,7	29,0
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	73,7	2,9	19,0	73,7	2,4	19,0
7	Đất An ninh - Quốc phòng	165,1	6,5	43,0	165,1	5,4	42,0
8	Đất cây xanh cách ly	75,8	3,0	5,0	75,8	2,5	4,0
9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	73,0	2,9	14,0	53,0	1,8	14,0
B2	Đất khác	20.276,3	100,0	5.267,0	19.764,6	100,0	5.068,0
1	Đất nông nghiệp	5.463,2	26,9	1.419,0	5.180,7	26,2	1.328,0
2	Đất lâm nghiệp	12.405,5	61,2	3.222,0	12.157,5	61,5	3.117,0
3	Sông suối, mặt nước	931,9	4,6	242,0	911,6	4,6	234,0
4	Đất chưa sử dụng	721,3	3,6	187,0	721,3	3,7	185,0
5	Đất dự trữ phát triển	0,0	0,0	0,0	48,2	0,2	12,0
6	Đất nuôi trồng thủy sản	507,4	2,5	132,0	498,3	2,5	128,0
7	Đất hoạt động khai thác	247,0	1,2	15,0	247,0	1,3	14,0
	Tổng cộng (A+B)	39.658,3			39.658,3		

6. Định hướng phát triển không gian:

6.1. Mô hình và cấu trúc không gian:

- Tiếp tục hoàn thiện, phát triển không gian đô thị hiện hữu phía Đông và phía Tây, hình thành không gian đô thị mới ở giữa làm trung tâm và phát triển mở rộng thành trục đô thị mới về phía Bắc và phía Nam.

- Cấu trúc phát triển theo mô hình một trung tâm mới, ba trung tâm phụ, bốn vành đai giao thông và mạng lưới cây xanh mặt nước, cụ thể:

+ Phát triển không gian đô thị trung tâm mới ở giữa phường Đông Triều và phường Mạo Khê; tăng cường mạng lưới giao thông trục Đông - Tây, từ đó kết hợp, giao thoa 3 không gian đô thị thành 1 trung tâm của thị xã Đông Triều.

+ Xây dựng trục đô thị trung tâm mới theo hướng Bắc - Nam (Tuyến đường trung tâm thị xã Đông Triều), liên kết không gian đô thị phía Nam và khu vực du lịch, di tích ở phía Bắc; Quốc lộ 18 hiện tại và đường tránh Quốc lộ 18 (Đường vành đai phía Nam) chạy song song, hình thành trục liên kết theo phương Đông - Tây; ngoài ra, xây dựng trục liên kết du lịch mới theo hướng Đông - Tây, kết nối khu vực công trình văn hóa - dịch vụ tổng hợp gắn với công trình Công trình tỉnh với khu vực di tích và đồi rừng góp phần xây dựng hoàn thiện mạng lưới du lịch của thị xã Đông Triều và của tỉnh Quảng Ninh.

+ Xây dựng 3 trung tâm phụ trở thành điểm đầu mối trên các tuyến vành đai giao thông; xây dựng đô thị cửa ngõ ở khu vực giáp ranh với Hải Dương ở phía Tây (Khu trung tâm thương mại - dịch vụ tổng hợp gắn với công trình Công

tỉnh tại xã Bình Dương), đô thị nông nghiệp mới ở phía Đông (Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Hồng Thái Tây và xã Hoàng Quế); phát triển đô thị nông nghiệp mới ở phía Bắc (Tại các xã: Bình Khê, An Sinh).

+ Khu vực đồi núi phía Bắc và khu vực du lịch di tích nhà Trần được xác định là các khu vực bảo tồn; các khu vực bảo tồn này kết hợp với vùng mặt nước mở rộng của sông Cẩm tạo thành các điểm đầu mối, từ đó thiết lập mạng lưới mặt nước và cây xanh cho toàn bộ thị xã Đông Triều; đối với mạng lưới mặt nước và cây xanh khác, việc bảo tồn được định hướng đóng vai trò ưu tiên hơn công tác phát triển.

6.2. Định hướng phát triển không gian đô thị và nông thôn:

- Các khu hiện trạng: Bao gồm khu vực đồi núi, đất nông nghiệp hạn chế phát triển để bảo tồn môi trường tự nhiên và đảm bảo quỹ đất phát triển đô thị nông nghiệp mới; cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư hiện hữu gồm các khu vực dân cư đô thị hiện trạng tại các phường: Đông Triều, Mạo Khê; bảo tồn, tôn tạo khu vực có các di tích lịch sử quy mô lớn như Khu di tích lịch sử Nhà Trần..., khu vực nông thôn truyền thống có phong cảnh đẹp là nguồn tài nguyên du lịch quý giá như khu vực du lịch sinh thái làng quê Yên Đức..., các di tích lịch sử và kiến trúc cảnh quan có quy mô nhỏ khác;

- Định hướng chuyển đổi chức năng các khu vực khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng thành đất cây xanh và công viên và chuyển đổi từ sản xuất trồng trọt sang chăn nuôi tập trung tại các xã: Tràng Lương, An Sinh.

- Các khu vực phát triển mới: Hình thành các khu vực phát triển đô thị mới (Khu đô thị, trung tâm hành chính mới; khu đô thị nông nghiệp mới, đô thị mới dọc tuyến đường tránh và phía Nam Đông Triều; khu đô thị phía Bắc dọc đường trục trung tâm thị xã, Khu đô thị cửa ngõ phía Tây dọc Quốc lộ 18); các khu vực chuyên dụng (Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp như: Cụm công nghiệp Kim Sơn, Khu công nghiệp Đông Triều tại xã Hồng Thái Đông...; khu vực trồng lúa, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản; các khu vực trồng rừng chủ yếu tại khu vực đồi núi phía Bắc).

- Các khu vực kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển triển du lịch (Khu vực đất đồi xã An Sinh và các khu vực dọc theo tuyến đường du lịch; khu vực bảo tồn và phát triển công viên văn hóa - thể dục thể thao trung tâm ven sông Cẩm).

- Các khu vực cấm xây dựng gồm: Các khu vực quân sự, các khu vực có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến môi trường; các khu dự trữ phát triển đô thị ở phía Nam Đông Triều, khu vực xã Việt Dân, khu vực phía Đông Mạo Khê.

6.3. Quy hoạch phân khu quản lý phát triển:

Thị xã Đông Triều được phân chia thành 15 phân khu để quản lý phát triển theo đặc trưng của không gian, gồm:

(1) Khu trung tâm mới (thuộc các phường, xã: Xuân Sơn, Kim Sơn, Tràng An, Đức Chính):

- Diện tích khoảng 1.451 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 27.740 người.

- Tính chất: Là trung tâm hành chính mới, trung tâm thương mại, trường học liên cấp chất lượng cao, trung tâm văn hóa, thể thao, triển lãm du lịch, cung thiếu nhi, khu đô thị mới và dân cư.

- Định hướng phát triển: Bảo tồn diện tích mặt nước, xây dựng công viên xung quanh diện tích mặt nước, ưu tiên xây dựng công viên, công trình công cộng; bảo tồn hiện trạng các làng xóm hiện hữu, từng bước cải thiện môi trường sống; đầu tư tập trung các chức năng công cộng như: Hành chính, thương mại, văn phòng, khách sạn...; dọc tuyến đường trung tâm, tiến hành phát triển đô thị cân đối về mặt cảnh quan.

(2) Khu Đông Triều:

- Diện tích khoảng 810,6 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 32.260 người.

- Tính chất: Là khu trung tâm hiện hữu, phát triển đô thị mới, y tế, giáo dục, thể dục thể thao và dạy nghề; tăng cường chức năng du lịch để tạo sự đổi mới cho khu hiện hữu; gồm các phân khu chi tiết: Khu vực phát triển dọc đường Quốc lộ phía Tây phường Đông Triều; khu vực cải tạo khu vực đô thị hiện hữu phường Đông Triều; khu vực phát triển dọc đường Quốc lộ phía Đông phường Đông Triều; khu vực phát triển phía Nam phường Đông Triều.

- Định hướng phát triển: Cùng với việc bảo tồn khu vực đô thị hiện hữu của phường Đông Triều, tiến hành cải tạo cảnh quan trên quan điểm phòng chống thiên tai và cải thiện môi trường sống; thúc đẩy phát triển đô thị tập trung thương mại, nhà ở kết hợp với việc xây dựng tuyến đường tránh, các công trình công cộng cấp đô thị (Mở rộng Bệnh viện đa khoa, xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao); bố trí các công trình văn hóa, di chuyển chức năng hành chính thành Bảo tàng nhà Trần, khách sạn kiểu cung đình, nhà hàng phục vụ các món ăn đặc sản của Đông Triều.

(3) Khu Mạo Khê: Gồm Mạo Khê Bắc và Mạo Khê Nam:

- Mạo Khê Bắc (Diện tích khoảng 799,7 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 24.325 người): Là khu dân cư hiện hữu; hoạt động khai thác than và tiểu thủ công nghiệp. Định hướng phát triển xây dựng nhà ở sinh thái mật độ thấp; hoàn nguyên các khu vực khai thác than; cải tạo chỉnh trang dân cư hiện hữu; xây dựng các công trình thể thao, cây xanh.

- Mạo Khê Nam (Diện tích khoảng 890,5 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 29.813 người): Là trung tâm kinh tế của thị xã Đông Triều; định hướng phát triển chủ yếu về thương mại, nhà ở, công nghiệp; khu vực đô thị hiện hữu; kết hợp với việc xây dựng tuyến đường tránh phía Nam.

(4) Khu cửa ngõ phía Tây (thuộc các phường, xã: Bình Dương, Việt Dân, Thủy An):

- Diện tích khoảng 1.157,5 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 9.240 người.

- Tính chất: Là đô thị cửa ngõ của tỉnh Quảng Ninh; gồm các phân khu: Khu đô thị mới cửa ngõ; khu vực phát triển dọc Quốc lộ 18; khu vực phát triển

tại điểm giao giữa Quốc lộ 18 và tuyến đường tránh; khu vực dự trữ cho phát triển đô thị mới.

- Định hướng phát triển: Xây dựng biểu tượng Công tỉnh; khu phức hợp đa chức năng (Thương mại, văn phòng, nhà ở, công cộng, resort...); quy hoạch cảnh quan phù hợp với vai trò cửa ngõ, đặc biệt lưu ý cảnh quan từ hướng Hải Dương đi tới; dọc tuyến đường du lịch, xây dựng không gian, tạo cảnh quan phù hợp với vai trò tuyến đường du lịch.

(5) Khu cửa ngõ phía Bắc (xã Bình Khê):

- Diện tích khoảng 676,2 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 6.626 người.

- Tính chất: Là đô thị nông nghiệp mới phía Bắc; gồm các phân khu phát triển đô thị mới phía Nam nút giao của đường cao tốc.

- Định hướng phát triển các chức năng thương mại, văn phòng, nhà ở, công cộng, chế biến nông nghiệp, resort nhằm phát triển đô thị mới; quy hoạch cảnh quan của khu vực ven tuyến đường trung tâm tương xứng với vai trò là khu vực cửa ngõ của Đông Triều từ phía đường cao tốc.

(6) Khu Kim Sen:

- Diện tích khoảng 861,9 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 6.161 người.

- Tính chất: Chủ yếu phát triển công nghiệp; gồm các phân khu chi tiết: Khu vực phát triển Cụm công nghiệp Kim Sen.

- Định hướng phát triển: Ưu tiên phát triển công nghiệp; thúc đẩy chuyển đổi và thu hút công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch; cải tạo cảnh quan dọc Quốc lộ, dọc tuyến đường tránh; phủ xanh, hình thành vùng đệm với trung tâm hành chính mới.

(7) Khu đô thị nông nghiệp kiểu mẫu (Thuộc các xã: Hoàng Quế, Hồng Thái Tây):

- Diện tích khoảng 1.112,2 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 10.586 người.

- Tính chất: Là đô thị nông nghiệp công nghệ cao; gồm các phân khu phát triển đô thị nông nghiệp mới; khu vực phát triển vùng nông nghiệp chất lượng cao phía Nam đô thị nông nghiệp mới; khu vực phục hồi môi trường sau khai thác mỏ; khu vực phát triển vùng nông nghiệp chất lượng cao phía Bắc đô thị nông nghiệp mới.

- Định hướng phát triển đô thị mới với chủ đề nông nghiệp phức hợp các chức năng: Chế biến nông sản, thủ công truyền thống, triển lãm, công nghiệp mới, thương mại, nhà ở, công cộng...

(8) Khu du lịch (Thuộc các xã: Tràng An, An Sinh, Việt Dân, Tân Việt, Bình Khê):

- Diện tích khoảng 3.928,4ha; dân số đến năm 2030 khoảng 20.569 người.

- Tính chất: Là khu du lịch vùng đồi cửa ngõ; gồm các phân phát triển du lịch ven phía Tây tuyến đường du lịch; khu vực bảo tồn di tích; khu vực phát triển du lịch ven phía Đông tuyến đường du lịch.

- Định hướng phát triển công trình resort, khách sạn, thương mại, sân golf, biệt thự... dọc tuyến đường du lịch; ưu tiên bảo tồn các di tích.

(9) Khu nông nghiệp - cây xanh Tây Đông Triều (Thuộc các xã: Bình Dương, Nguyễn Huệ, Thủy An):

- Diện tích khoảng 1.968,3 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 11.450 người.

- Tính chất: Là khu vực nông nghiệp nông thôn; gồm các phân khu dân cư nông thôn; khu vực bảo tồn di tích.

- Định hướng phát triển làng xóm nông nghiệp; xây dựng các công trình nhà ở, văn hóa, công trình thương mại, công trình công ích với quy mô vừa phải và bảo tồn các di tích lịch sử.

(10) Khu nông nghiệp - cây xanh Nam Đông Triều (Thuộc các phường xã: Hồng Phong, Hưng Đạo):

- Diện tích khoảng 914,8 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 8.307 người.

- Tính chất: Là khu dự trữ phát triển, bảo tồn cảnh quan; gồm các phân khu dự trữ phát triển phía Nam tuyến đường tránh.

- Định hướng phát triển: Chủ yếu phát triển nhà ở kết hợp với việc xây dựng tuyến đường tránh.

(11) Khu nông nghiệp Đông Bắc (thuộc các xã Tràng Lương, Bình Khê):

- Diện tích khoảng 1.547,8 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 4.943 người.

- Tính chất: Là khu vực nông nghiệp nông thôn; gồm các phân khu chuyển đổi chức năng thành bãi chăn thả.

- Định hướng phát triển: chuyển đổi chức năng thành bãi chăn thả gia súc với trọng tâm là đất nông nghiệp năng suất thấp.

(12) Khu nông nghiệp Đông Mạo Khê (thuộc các xã: Yên Đức, Yên Thọ, Hoàng Quế):

- Diện tích khoảng 1.657,8 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 16.743 người.

- Tính chất: Là khu nông nghiệp, nông thôn và du lịch làng nghề; gồm các phân khu chuyển đổi chức năng thành bãi chăn thả.

- Định hướng phát triển đô thị du lịch nông nghiệp, bảo tồn di tích và phục hồi khai thác than.

(13) Khu nông nghiệp - công nghiệp phía Đông (thuộc các xã: Hoàng Quế, Hồng Thái Tây, Hồng Thái Đông):

- Diện tích khoảng 1.535,44 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 9.397 người.

- Tính chất: Là khu nông nghiệp nông thôn và công nghiệp; gồm các phân khu phát triển công nghiệp Đông Triều.

- Định hướng phát triển với trọng tâm là khu công nghiệp Đông Triều và các khu chức năng hỗ trợ công nghiệp.

(14) Khu đồi núi phía Bắc (xã An Sinh):

- Diện tích khoảng 14.768,9 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 677 người.

- Tính chất: Là khu bảo tồn cảnh quan và Du lịch; gồm các phân khu bảo tồn phụ cận hồ chứa nước; khu vực bảo tồn di tích.

- Định hướng phát triển các công trình phục vụ du lịch như tuyến đường tản bộ và tuyến đường đạp xe, tuy nhiên hạn chế nghiêm ngặt các hoạt động phát triển để bảo vệ nguồn nước; xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông trở thành các tuyến du lịch di tích, phát triển du lịch; ưu tiên bảo tồn di tích, phát triển du lịch với quy mô tối thiểu; quản lý nghiêm ngặt cả về mặt cảnh quan.

(15) Khu đồi núi phía Nam (thuộc các xã: Tràng Lương, Bình Khê):

- Diện tích khoảng 5.577,2 ha; dân số đến năm 2030 khoảng 1.304 người.

- Tính chất: Là khu du lịch, bảo tồn cảnh quan, hoàn nguyên môi trường khai thác than.

Định hướng phát triển du lịch tại khu khai thác than đầu tiên tại Việt Nam; kiểm soát các hoạt động khai thác và hoàn nguyên bảo vệ cảnh quan môi trường đồi núi.

6.4. Hệ thống các trung tâm chuyên ngành cấp đô thị:

(1) Các khu ở và nhà ở:

- Khu ở hiện hữu: Phân bố tại các khu vực trung tâm của các phường của thị xã Đông Triều có diện tích khoảng 900 ha; từng bước cải tạo, nâng cấp đảm bảo cảnh quan chung nhưng không làm tăng mật độ xây dựng; chuyển đổi chức năng sử dụng đất đối với những cơ sở sản xuất nhỏ lẻ gây ô nhiễm để xây dựng công trình nhà ở và hạ tầng xã hội.

- Khu ở phát triển mới: Phát triển các khu ở mới hiện đại tại khu vực phía Nam (giữa Quốc lộ 18 và đường tránh phía Nam) và khu vực cửa ngõ phía Tây, khu đô thị nông nghiệp mới phía Đông.

- Khu vực hạn chế phát triển: Các khu vực dọc hai bên đường cao tốc Hà Nội - Hạ Long; các khu vực nằm gần các khu di tích, di dời và bố trí tái định cư cho các hộ dân nằm trong khu vực có hoạt động khai thác khoáng sản, khu vực có nguy cơ sạt lở, ngập úng.

(2) Hệ thống các văn phòng cơ quan quản lý hành chính nhà nước và sự nghiệp:

- Cấp thị xã: Xây dựng mới trung tâm hành chính thị xã Đông Triều tại phường Kim Sơn nằm ở khu vực phía Bắc Quốc lộ 18 và phía Đông đường trục trung tâm thị xã, bao gồm: Trung tâm chính trị thị xã (Trụ sở làm việc khối Đảng, HĐND và UBND, khối các đoàn thể; khối liên cơ quan thị xã; Trụ sở Công an thị xã, Ban chỉ huy Quân sự thị xã); khối văn phòng làm việc các Công ty và các công trình công cộng khác.

- Cấp phường: Duy trì các công trình hiện có; nâng cấp, mở rộng khi có nhu cầu và đủ điều kiện; xây dựng trung tâm hành chính cấp phường cho các phường mới thành lập.

(3) Hệ thống các công trình thương mại dịch vụ:

- Đầu mối thương mại dịch vụ khu vực dân cư:

+ Xây dựng đầu mối thương mại quy mô lớn nhất thị xã Đông Triều ở khu vực trung tâm hành chính, nơi sẽ phát triển đô thị với quy mô lớn, điểm giao cắt giữa đường trục trung tâm và Quốc lộ 18; các địa điểm mua sắm trong thị xã, tận dụng lợi thế thuận lợi về giao thông; duy trì và cải tạo 18 địa điểm chợ, siêu thị hiện có, đảm bảo công trình thương mại đáp ứng nhu cầu trong sinh hoạt thường nhật của người dân.

+ Phát triển các công trình thương mại bao gồm cả các điểm bán trực tiếp nông sản trong khu đô thị nông nghiệp mới, không chỉ bán các sản phẩm nông nghiệp của đô thị nông nghiệp mới mà nông sản từ những vùng lân cận, từ đó góp phần phát triển khẳng định vị thế nông nghiệp; trạm dừng chân đường cao tốc.

- Đầu mối thương mại dịch vụ phục vụ du lịch đáp ứng nhu cầu của du khách đến thăm Khu di tích lịch sử nhà Trần; bố trí các công trình thương mại với những sản phẩm đặc trưng ở Đông Triều (Sản phẩm thủ công truyền thống, nông sản...) nhằm nâng cao mức độ nhận diện và sự hấp dẫn của các giá trị lịch sử, văn hóa của Đông Triều); xây dựng kết hợp với cả các công trình đóng vai trò phát triển du lịch (Điểm dừng chân, nhà hàng...); bố trí công trình thương mại ở các trạm dừng chân đường cao tốc, đô thị cửa ngõ (bán các đặc sản vùng, nơi mua sắm, nghỉ ngơi, giải trí, giao lưu của những người lưu thông trên đường cao tốc và người dân lân cận (xã Tân Việt); khu vực phía trước đền An Sinh (xã An Sinh); Công trình thương mại ở ga cáp treo (xã An Sinh); Khu vực đô thị nông nghiệp mới (xã Hồng Thái Tây).

(4) Trung tâm du lịch:

- Phát triển trên cơ sở hỗ trợ cho khu di tích lịch sử nhà Trần, khai thác lợi thế cảnh quan khu vực đồi núi phía Nam đường cao tốc;

- Xây dựng khu resort sinh thái vùng đồi, khu nghỉ dưỡng, khu dịch vụ đường cao tốc, khu dịch vụ du lịch, xây dựng trọng điểm thương mại du lịch tại khu vực cửa ngõ phía Tây (khu vực Điểm dừng chân công Tỉnh).

- Triển khai các dự án, hạng mục thành phần Khu di tích lịch sử nhà Trần theo định hướng Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 7/02/2013.

(5) Hệ thống các công trình y tế:

- Nâng cấp mở rộng quy mô Bệnh viện đa khoa Đông Triều tại phường Đức Chính) theo định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Quảng Ninh.

- Nâng cao cơ sở vật chất và chất lượng khám chữa bệnh của Trung tâm y tế than khu vực Mạo Khê (thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

- Tăng cường liên kết giữa hệ thống y tế cấp cơ sở và các bệnh viện đa khoa tuyến trên; mở rộng quy mô, tăng cường trang thiết bị các Phòng khám đa khoa khu vực Mạo Khê và 21 trạm y tế của các xã.

- Bố trí quỹ đất tại khu vực thuận tiện về giao thông tại khu đô thị trung tâm hành chính mới để thu hút các phòng khám tư nhân đáp ứng nhu cầu của nhân dân; xây dựng khu nghỉ dưỡng chữa bệnh tận dụng lợi thế về địa hình và tự nhiên phong phú (xã An Sinh).

(6) Hệ thống các công trình giáo dục đào tạo:

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh; duy trì hoạt động Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên thị xã Đông Triều (phường Mạo Khê).

- Dành quỹ đất thu hút đầu tư xây dựng trường Đại học theo mô hình đại học doanh nghiệp tại khu vực đất đồi xã Bình Dương;

- Xây dựng 1 Trường phổ thông nhiều cấp học chất lượng cao trong khu vực trung tâm hành chính mới (phường Kim Sơn); nâng cấp mở rộng 7 trường phổ thông trung học hiện hữu.

(7) Hệ thống các công trình văn hóa:

- Xây dựng mới Trung tâm văn hóa của Thị xã trong khuôn viên Trung tâm văn hóa thể thao thị xã bố trí ven sông Cầm và cạnh khu đô thị mới Trung tâm hành chính Thị xã (phường Xuân Sơn, diện tích 1,0 ha); xây dựng công trình văn hóa thể thao phục vụ công nhân, người lao động tại khu vực các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung.

- Chuyển công năng một phần trung tâm hành chính cũ phường Đông Triều) thành Bảo tàng sau khi chuyển trung tâm hành chính về khu vực mới; xây dựng mới Thư viện, Nhà hát tại khu đô thị mới Trung tâm hành chính; sử dụng không gian các trung tâm thương mại, không gian công cộng để làm nơi triển lãm văn hóa; xây dựng công trình triển lãm trong khuôn viên Trung tâm văn hóa thể thao.

- Xây dựng mới Cung thiếu nhi ven sông Cầm tại phường Đức Chính, kết nối với Trung tâm văn hóa thể thao Thị xã; thu hút đầu tư các rạp chiếu phim tư nhân tại các trung tâm thương mại.

(8) Hệ thống các công trình thể dục thể thao:

- Xây dựng các công trình thể dục thể thao cấp đô thị (Sân thể thao cơ bản tại các khu vực dân cư); các sân vận động lớn tại phường Đông Triều, phường Mạo Khê.

- Xây dựng mới Trung tâm thể dục thể thao tại Trung tâm văn hóa thể thao của thị xã; xây dựng sân golf tại khu vực đồi núi phía Tây (xã An Sinh, xã Việt Dân).

(9) Hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp, khai thác than:

- Khu công nghiệp Đông Triều: Định hướng bố trí Khu công nghiệp Đông Triều tại xã Hồng Thái Tây theo định hướng Quy hoạch vùng tỉnh và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 177/TB-UBND ngày 22/6/2016 và thu hút các nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp để xây dựng khu công nghiệp với hạ

tăng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, thu hút doanh nghiệp sản xuất các ngành công nghiệp sạch, công nghệ cao.

- Cụm công nghiệp Kim Sen: Tiếp tục hoàn chỉnh hạ tầng và mở rộng Cụm công nghiệp Kim Sen tại phường Kim Sơn theo nhu cầu phát triển và định hướng quy hoạch chung; thu hút ngành công nghiệp nhẹ và các ngành công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường.

- Cụm công nghiệp Trảng An: Phát triển tiểu thủ công nghiệp địa phương, ngành sản xuất gốm, vật liệu xây dựng bằng công nghệ tiên tiến không gây ô nhiễm môi trường.

- Cụm công nghiệp An Sinh: đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp và thu hút đầu tư ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản.

- Khu vực đất công nghiệp tại xã Yên Thọ: phát triển tiểu thủ công nghiệp địa phương, công nghiệp nhẹ, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông sản.

- Khu chế biến phụ trợ khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Thu hút ngành sản xuất lương thực thực phẩm, chế biến, đóng gói nông sản, ngành công nghệ sinh học...

- Khu vực hoạt động tận thu, khai thác than kết hợp với cải tạo các hồ đảm bảo nguồn nước tưới tiêu tại khu vực phía Đông thị xã.

7. Định hướng không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

7.1. Phân vùng và tổ chức kiến trúc cảnh quan đô thị

- Vùng cảnh quan các khu hạn chế phát triển, khu bảo tồn, khu chuyển đổi chức năng và khu hiện hữu chỉnh trang cải tạo, gồm:

+ Khu vực hạn chế phát triển tại khu vực đồi núi, đất nông nghiệp hạn chế phát triển đô thị để bảo tồn môi trường tự nhiên và đảm bảo quỹ đất phát triển đô thị nông nghiệp mới.

+ Khu bảo tồn, tôn tạo khu vực có các di tích lịch sử quy mô lớn như di tích nhà Trần..., khu vực nông thôn truyền thống có phong cảnh đẹp là nguồn tài nguyên du lịch quý giá như khu vực làng quê Yên Đức...; các di tích lịch sử và kiến trúc cảnh quan có quy mô nhỏ khác cũng cần được bảo tồn tôn tạo, sẽ được xác định chi tiết tại quy hoạch sử dụng đất.

+ Các khu vực khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng sẽ được hoàn nguyên thành đất cây xanh, công viên trong tương lai; khu vực chuyển đổi từ sản xuất trồng trọt sang chăn nuôi tập trung tại.

+ Các khu vực dân cư hiện hữu chỉnh trang cải tạo tại các phường như Đông Triều, Mạo Khê.

- Vùng cảnh quan các khu vực phát triển mới (đô thị trung tâm hành chính mới, đô thị nông nghiệp mới, đô thị mới dọc đường tránh và phía Nam Đông Triều, đô thị phía Bắc dọc đường trục trung tâm thị xã, đô thị cửa ngõ phía Tây dọc Quốc lộ 18); các khu vực chuyên dụng (Các khu, cụm công nghiệp có quy mô

lớn như Khu công nghiệp Đông Triều, Cụm công nghiệp Kim Sen...; các khu vực trồng lúa, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là khu vực hạn chế phát triển đô thị, khoanh vùng các loại đất cụ thể cần xác định rõ tại quy hoạch sử dụng đất; các khu vực trồng rừng tại vùng đồi núi phía Bắc.

- Vùng cảnh quan bảo tồn kết hợp phát triển du lịch khu vực đồi xã An Sinh và các khu vực khác dọc theo tuyến đường du lịch; khu vực bảo tồn và phát triển công viên văn hóa – thể dục thể thao trung tâm ven sông Cẩm.

- Vùng cảnh quan khu vực cấm xây dựng và dự trữ phát triển gồm các khu vực quân sự, các khu vực có nguy cơ ảnh hưởng môi trường và khu vực dự trữ phát triển ở phía Nam Đông Triều, khu vực xã Việt Dân, khu vực phía Đông Mạo Khê.

7.2. Các trung tâm, điểm nhấn cảnh quan và các trục cảnh quan:

- Khu trung tâm hành chính mới tổ chức kiến trúc cảnh quan đẹp, tạo điểm nhấn, tương xứng với vai trò là khu đô thị trung tâm; bố trí quảng trường nhân dân ở khu vực trung tâm tạo không gian mở đáp ứng sử dụng nhiều mục đích.

- Khu đô thị cửa ngõ hình thành không gian điểm nhấn nhằm tạo ra ấn tượng cho cảnh quan đô thị; khu vực quảng trường bố trí nhiều cây xanh.

- Các trục không gian chính đô thị đảm bảo chức năng giao thông đồng thời tạo không gian cho các hoạt động của cư dân đô thị; tổ chức thiết kế đô thị, bố trí được các không gian đệm, tạo điểm nhấn cho trục.

- Khu vực ven sông Cẩm quy hoạch đô thị ven sông theo định hướng bố trí cây xanh hai bên bờ sông; dành quỹ đất 50m ở ven sông làm đường đi bộ và đất cây xanh nhằm hạn chế phát triển đô thị lấn sông để tạo cảnh quan và đảm bảo phòng chống lũ lụt.

- Khu vực bảo vệ di tích cần quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt; các hoạt động xây dựng phục vụ phát triển du lịch cần cẩn trọng và chú ý tới cảnh quan;

- Khu du lịch vùng đồi quy hoạch theo hướng đảm bảo sự hài hòa với địa hình đất đồi, hạn chế tối đa việc thay đổi địa hình hiện hữu; cảnh quan dọc tuyến đường du lịch xây dựng theo hình ảnh của một khu resort;

- Khu vực đô thị nông nghiệp mới trở thành khu du lịch chủ yếu phục vụ đối tượng khách ghé thăm (không lưu trú); bố trí các công trình xung quanh trọng tâm là không gian mở;

- Khu vực cảnh quan dọc các tuyến đường bộ: Dọc tuyến đường cao tốc hình thành cảnh quan ấn tượng với khách phương xa, phù hợp với tính chất là khu vực cửa ngõ chính của Đông Triều; xây dựng tuyến đường đi bộ tham quan nối Đô thị trung tâm hành chính mới với Khu di tích lịch sử nhà Trần, tuyến du lịch từ đô thị trung tâm hành chính mới tới đền An Sinh đóng vai trò là tuyến kết nối các đặc trưng hấp dẫn của Đông Triều.

8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

8.1. Chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền:

- Phù hợp với tổ chức hệ thống thoát nước mưa hiện có; tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng và chiều cao đào đắp.

- Những khu vực đã xây dựng có cốt nền tương đối ổn định, khi xây dựng xen các công trình mới giữ nguyên cao độ san nền hoặc chỉ san nền cục bộ cho phù hợp với hiện trạng xây dựng và điều kiện khu vực đảm bảo không làm ảnh hưởng đến thoát nước mặt của khu vực.

- Định hướng cao độ nền khu vực phía Tây: Cốt nền dân dụng $H_{xd} \geq 2,8m$; cốt nền công nghiệp $H_{xd} \geq 3,0m$.

- Định hướng cao độ nền khu vực ven Sông Cầm: Cốt nền dân dụng $H_{xd} \geq 3,8m$; cốt nền công nghiệp $H_{xd} \geq 4,0m$.

- Định hướng cao độ nền khu vực ven Sông Đá Vách: Cốt nền dân dụng $H_{xd} \geq 2,8m$; cốt nền công nghiệp $H_{xd} \geq 3,0m$.

b. Thoát nước mưa:

- Đảm bảo thoát nước mưa trên toàn lưu vực quy hoạch ra các hồ, sông, suối hoặc trực tiêu thủy lợi...; hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn và tự chảy.

- Phân chia thành 04 lưu vực thoát nước chính: Lưu vực 1 thoát ra sông Đạm Thủy đổ ra sông Kinh Thầy; lưu vực 2 thoát ra sông Cầm; lưu vực 3 thoát ra sông Đá Vách; lưu vực 4 thoát ra sông Đông Mai.

- Cải tạo, nạo vét lòng sông, cải tạo mặt cắt suối thuộc các lưu vực thoát nước, xây dựng, nâng cấp các tuyến kè sông, kè suối đảm bảo ổn định 2 bên sông, suối, lưu thông dòng nước. Bổ sung hệ thống cống ngang - qua đường - tiêu thoát nhanh nước mặt theo hướng Bắc - Nam.

- Khu vực đô thị hiện trạng: Xây dựng hệ thống nả riêng, tách nước bản, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Khu vực phát triển xây dựng: Thiết kế hệ thống thoát nước mặt riêng hoàn chỉnh với chế độ tự chảy.

- Khu vực nông thôn: Sử dụng hệ thống thoát nước chung.

c. Phòng chống lũ:

- Cao độ đê phòng chống lũ: cao trình đê thiết kế +4,5m; từng bước nâng cốt cao độ mặt đê lên mức +5,7m; xây dựng đê điều ở tất cả các sông.

- Cải tạo mở rộng lòng sông trong đô thị. Gia cố mái dốc phòng tránh sạt lở đất: Sử dụng tường chắn, neo đất, trồng cỏ Vetier...

- Kết hợp các biện pháp quản lý đầu tư xây dựng, dự báo phòng chón lũ lụt, di dời dân cư khỏi vùng sạt lở...

d. Các công trình kỹ thuật khác: Bảo vệ, cải tạo thường xuyên các tuyến mương, cống thoát nước; nạo vét định kỳ và xây dựng kè bờ các đoạn ven sông, suối, hồ trong khu vực, xây tường chắn tại các khu vực có nguy cơ sạt lở.

e. Quy hoạch hệ thống kênh mương nội đồng:

- Nguồn nước tưới: được sử dụng từ các hồ và sông trên địa bàn thị xã.

- Các công trình trạm bơm, mương tưới, trục tưới chính hiện trạng cơ bản được giữ nguyên theo hướng hiện trạng, điều chỉnh, xây mới tại những khu vực đô thị hóa, đảm bảo tưới tiêu nông nghiệp thuận lợi. Cải tạo nâng cấp hệ thống các trạm bơm tưới hiện có.

- Quy hoạch mới tuyến kênh tưới thủy lợi chạy dọc theo trục đường chính giữa khu đô thị nông nghiệp công nghệ cao.

8.2. Quy hoạch giao thông

a. Giao thông đối ngoại:

- Đường bộ:

+ Đường cao tốc Hà Nội - Hạ Long tại khu vực phía Bắc; bố trí nút giao liên thông tại khu vực trọng điểm Yên Tử, thôn Năm Mẫu, xã Thượng Yên Công.

+ Quốc lộ: Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Bắc Ninh - Uông Bí, đoạn đi qua đô thị với bề rộng 20,5m, đoạn ngoài đô thị bề rộng 25m.

+ Tỉnh lộ: Nâng cấp Tỉnh lộ 188 đoạn qua Khu đô thị Tân Việt Bắc.

+ Xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 18 (Chiều rộng 77m, trong đó: bề rộng đường 48m, hành lang dự trữ phát triển mỗi bên 14,5m) gồm 6 làn xe, trong đó ưu tiên 2 làn xe buýt, bố trí dải phân cách rộng 3m giữa đường ô tô và đường gom làm không gian chờ xe buýt.

- Đường sắt:

+ Nâng cấp cải tạo tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Cái Lân lên khổ ray 1,435 m; trong tương lai phát huy đường sắt vào vận chuyển khách du lịch, kết nối với hệ thống giao thông công cộng tại ga Đông Triều và ga Mạo Khê.

+ Phủ xanh phạm vi khoảng 20m dọc hai bên đường sắt nhằm tăng diện tích cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường.

+ Xây dựng đường dành cho người đi xe đạp với chiều rộng 3m dọc theo đất đường sắt và song song với phía Nam

- Đường thủy: Giữ lại và cải tạo các cảng hiện hữu, đề xuất xây thêm cảng hàng hóa tổng hợp tại phía Nam đô thị nông nghiệp; bố trí hệ thống giao thông đường thủy phục vụ du lịch trên sông Cẩm và sông Đá Bạc.

b. Giao thông nội thị

- Đường chính đô thị: Các tuyến đường chính đô thị với quy mô mặt cắt từ 30÷40m (Hành lang dự trữ phát triển mỗi bên 5m).

- Đường liên khu vực: Các tuyến đường liên khu vực ở các khu vực quy hoạch mới, đảm bảo quy mô mặt cắt từ 15÷30m.

- Đường trong khu công nghiệp: Các tuyến đường trong khu công nghiệp với quy mô mặt cắt 15,5÷24m.

- Hệ thống bãi đỗ xe: Duy trì và mở rộng các bãi đỗ xe hiện hữu tại các khu vực: Chợ Mạo Khê, ga Yên Dương, bến xe Đông Triều, bến xe Mạo Khê, khu vực phụ cận nhà văn hóa; bố trí các bãi đỗ xe tại các khu trung tâm công

cộng, khu dịch vụ vui chơi giải trí và các khu ở theo 3 cấp chính: Cấp đô thị (0,8ha÷1,5 ha), cấp khu vực (0,5 ha÷0,8 ha), cấp khu ở (0,15 ha÷0,4 ha).

c. Hệ thống các công trình đầu mối giao thông:

- Hệ thống cầu: Cải tạo nâng cấp hệ thống cầu hiện trạng đảm bảo quy mô, kết cấu kỹ thuật và khả năng kết nối giao thông; trên các tuyến đường trục chính, quốc lộ, đường tránh, đường cao tốc... vượt qua các sông lớn đều được xây dựng cầu. Ngoài ra, cầu được xây dựng tại vị trí giao nhau giữa đường cao tốc với các tuyến đường khu vực; mở rộng mặt cắt ngang cầu trên những tuyến đường quy hoạch mở rộng trong tương lai.

- Hệ thống bến xe:

+ Bến đối ngoại: Bến xe phía Tây nằm trong khu trung tâm thương mại dịch vụ và du lịch cửa ngõ phía Tây của tỉnh; Bến xe trung tâm nằm tại ngã giao giữa đường Quốc lộ 18 với tuyến đường trục trung tâm thị xã thuộc khu vực trung tâm hành chính mới với vai trò là trung tâm giao thông kết hợp thương mại và dịch vụ khu vực; Bến xe phía Đông (Bến xe Mạo Khê) nằm trên trục Quốc lộ 18, bến xe đang được đầu tư xây dựng cùng với trạm cứu hộ giao thông của khu vực; Bến xe Đông Triều mới (Bến xe Mạo Khê) nằm trên trục Quốc lộ 18, gần sân vận động thị xã.

+ Bến đối nội: Bố trí tại các trọng điểm trong khu quy hoạch để nâng cao sự thuận tiện trong di chuyển, phục vụ các mục đích của người dân khu vực từ làm việc, học tập hay mua sắm...; đặc biệt là tại các khu vực dịch vụ đường cao tốc, khu dịch vụ Đền Trình, khu du lịch vùng đồi...

- Hệ thống giao thông công cộng:

+ Phát triển hệ thống xe buýt đường trục Đông - Tây đóng vai trò là phương tiện giao thông công cộng cự ly trung bình của Đông Triều; hệ thống buýt sẽ chạy trên tuyến đường tránh, phía Tây tới đô thị cửa ngõ, phía Đông tới ga cuối của tuyến đường sắt một ray Uông Bí; hình thành làn chuyên dụng dành riêng cho xe buýt để vận hành hệ thống xe buýt nhanh BRT; hình thành hệ thống xe buýt trung chuyển liên kết với xe buýt đường trục Đông - Tây tạo thành mạng lưới kết nối toàn thị xã Đông Triều.

+ Xây dựng tuyến xe buýt phục vụ du lịch liên vùng giữa Đông Triều với Uông Bí, kết nối với khu di tích lịch sử nhà Trần thông qua điểm đầu mối là ga cáp treo thuộc xã An Sinh; sử dụng loại xe buýt du lịch thân thiện với môi trường, giảm tiếng ồn, ít phát thải, tạo dựng hình thái riêng cho du lịch Đông Triều.

8.3. Cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước cho thị xã Đông Triều đến 2030 khoảng 64.000 m³/ngày.đêm. Nguồn cấp nước chính cung cấp cho toàn thị xã được lấy từ nguồn nước thô tại các hồ Khe Chè, và sông Trung Lương; ngoài ra nguồn nước ngầm vẫn có vai trò quan trọng trong việc cấp nước cục bộ cho các địa phương.

- Giải pháp cấp nước:

+ Khai thác triệt để nguồn nước ngầm để cấp nước cho khu vực phường Đông Triều và các xã, phường lân cận (Các giếng 548A, 541B, 541A, 540, 542A và 507).

+ Khai thác triệt để nguồn nước ngầm cấp nước cho phường Mạo Khê và các xã, phường lân cận (Giếng khoan 12, 203 và 248).

+ Nâng công suất Nhà máy nước Đông Triều lên 6.000 m³/ngày.đêm.

+ Nâng công suất Nhà máy nước Mạo Khê lên 5.000 m³/ngày.đêm.

+ Nâng công suất Nhà máy nước Miếu Hương lên công suất 17.000 m³/ngày.đêm. Ngoài ra nhà máy nước Miếu Hương cấp nước thô cho nhà máy xi măng Hoàng Thạch với công suất trạm bơm nước thô hiện trạng khoảng 10.000 m³/ngày.đêm. Vì vậy, cần nâng công suất trạm bơm nước thô hiện trạng lên 25.000 m³/ngày.đêm.

+ Xây dựng mới Nhà máy nước Hồ Khe Chè công suất 37.000 m³/ngày.đêm.

8.4. Quy hoạch cấp điện:

a. Nguồn điện và nhu cầu sử dụng

- Tổng nhu cầu sử dụng của thị xã Đông Triều đến 2030 khoảng 285MVA.

- Nguồn điện: Nguồn cấp điện từ các Nhà máy nhiệt điện lân cận: Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê (Công suất 440 MW), Nhà máy nhiệt điện Uông Bí mở rộng 1-2 (Công suất 630 MW), Nhiệt điện Sơn Động (Công suất 220 MW) và hỗ trợ nguồn điện từ các nhà máy nhiệt điện khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thông qua lưới 220 KV và 110 KV.

- Trạm nguồn 220 KV:

+ Nâng công suất trạm 220KV Tràng Bạch lên 2x250 MVA cấp điện cho các phụ tải sinh hoạt, công cộng, công nghiệp của Đông Triều, cấp cho khu công nghiệp phía Tây Uông Bí, cấp điện cho Hải Dương và Hải Phòng.

+ Phụ tải ngành than được cấp điện từ trạm 220 KV Khe Thần công suất 2x63 MVA, trạm 220 KV Khe Thần thuộc khu vực thành phố Uông Bí.

- Trạm nguồn 110KV:

+ Nâng công suất trạm 110 KV Tràng Bạch từ 2x40 MVA lên (40+63) MVA, trạm cấp điện cho phân khu 1, 2, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 14, Cụm công nghiệp phía Tây, Nhà máy gốm Đất Việt. Cụm công nghiệp phía Tây 50 ha được cấp điện từ trạm 110 KV Tràng Bạch.

+ Xây dựng mới trạm 110KV Mạo Khê công suất 2x40 MVA cấp điện cho phân khu 3a, 3b, 6, Cụm công nghiệp Kim Sen, và khu tiểu thủ công nghiệp 85 ha trên địa bàn các phân khu phục vụ.

+ Xây dựng mới trạm 110 KV Đông Triều 2 công suất 40 MVA cấp điện cho phân khu 7,12,13,15, Khu cơ sở sản xuất tại xã Yên Thọ, đất công nghiệp phụ trợ, và khu tiểu thủ công nghiệp 113 ha trên địa bàn phân khu phục vụ.

+ Xây mới trạm 110 KV cấp điện cho Khu công nghiệp Đông Triều.

b. Mạng lưới cao thế:

- Lưới 500 KV: Theo định hướng quy hoạch vùng đường dây 500 KV đi qua thị xã Đông Triều sẽ treo mạch 2 tiết diện ACSR 4x330 mm².

- Lưới 220 KV: Giữ nguyên hướng tuyến của các tuyến điện 220 KV hiện có. Đường dây 220 KV là đường dây mạch kép tiết diện ACSR 2x330 mm².

- Lưới 110kV: Các tuyến điện hiện trạng 110 KV thị xã Đông Triều được giữ nguyên hướng tuyến và nâng cấp tiết diện lên AC240 mm² theo định hướng của Quy hoạch vùng tỉnh Quảng Ninh. Các trạm biến áp xây mới cơ bản nằm gần các tuyến điện 110 KV hiện trạng nên đầu tư xây mới đoạn đầu nối vào trạm với tiết diện AC240 mm².

c. Mạng lưới trung thế (22 KV, 35 KV)

- Dỡ bỏ lưới 35 KV hiện trạng đi nổi do tiết diện bé không đáp ứng đủ nhu cầu thị xã đến năm 2030. Đầu tư xây dựng đường dây 35 KV lấy điện từ trạm 220 KV Khe Thân để cấp điện cho trạm 35/6 KV Than Hồng Thái và Than Mạo Khê để phục vụ cho phụ tải ngành Than.

- Dỡ bỏ các tuyến 10 KV, 22 KV và 35 KV trong khu vực nội thị hiện do các tuyến này đi nổi, tiết diện bé không đáp ứng đủ nhu cầu đến năm 2030 và không đi theo các tuyến đường quy hoạch, không đảm bảo mỹ quan đô thị.

d. Mạng lưới hạ thế: Lưới điện hạ thế xây dựng mới ở các khu đô thị và khu vực trong trung tâm thành phố bố trí đi ngầm trong các hào cáp tiêu chuẩn; các trạm biến áp hạ tại các khu vực trung tâm thành phố, khu du lịch và các khu đô thị mới sử dụng loại trạm kios kiểu kín hợp bộ.

e. Lưới điện chiếu sáng: Tiếp tục cải tạo nâng cấp, phát triển tất cả các loại hình chiếu sáng gồm chiếu sáng các công trình giao thông, chiếu sáng các công trình công cộng và chiếu sáng quảng cáo, lễ hội...Trang bị hệ thống điều khiển tự động, tập trung cho hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải

- Nhu cầu: Tổng lượng nước thải cần xử lý đến năm 2030 khoảng 42.800 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sinh hoạt: Các khu dân cư hiện có đã có hệ thống thoát nước chung sẽ xây dựng hệ thống thoát nước chung một nửa (hệ thống cống bao) tách nước thải đưa về các trạm xử lý; các khu vực xây mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt Đông Triều: Công suất dự kiến 9.200 m³/ngày.đêm phục vụ các khu vực: phường Đông Triều, vùng du lịch, khu nông nghiệp - cây xanh Nam Đông Triều, khu đồi núi phía Bắc; sử dụng hệ thống thoát nước riêng, đường kính từ D300÷500, các vị trí có độ sâu chôn cống lớn (từ 3,5÷4m) bố trí các bơm chuyển tiếp.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt Mạo Khê: Công suất dự kiến 9.200 m³/ngày.đêm, phục vụ các khu vực: Mạo Khê Bắc, Mạo Khê Nam, nông nghiệp Đông Mạo Khê, khu đồi núi phía Nam; sử dụng hệ thống thoát nước riêng, đường kính từ D300÷500. Tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn (từ 3,5÷4m) bố trí các bơm chuyển tiếp.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt ĐTM Khe Chè: Công suất dự kiến khoảng 2.300 m³/ngày.đêm phục vụ các khu vực: Cửa ngõ phía Tây, khu công nghiệp - cây xanh phía Tây; sử dụng hệ thống thoát nước riêng, đường kính từ D300÷400; tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn (từ 3,5÷4m) bố trí các bơm chuyển tiếp.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt Trung tâm hành chính mới: Công suất dự kiến khoảng 7.000 m³/ngày.đêm phục vụ các khu vực: Khu trung tâm, Cửa ngõ Bắc, Kim Sen, Nông nghiệp Đông Bắc. Sử dụng hệ thống thoát nước riêng, đường kính từ D300÷500; tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn (từ 3,5÷4m) bố trí các bơm chuyển tiếp.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt khu nông nghiệp công nghệ cao: Công suất dự kiến 2.900 m³/ngày.đêm phục vụ các khu vực: Khu nông nghiệp kiểu mẫu, khu nông nghiệp - công nghiệp phía Đông; sử dụng hệ thống thoát nước riêng, đường kính từ D300÷400. Tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn (từ 3,5÷4m) bố trí các bơm chuyển tiếp.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt Yên Đức: Công suất dự kiến 1.800 m³/ngày.đêm phục vụ các khu đô thị nông nghiệp kiểu mẫu; sử dụng hệ thống thoát nước riêng, đường kính từ D300÷400. Tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn (từ 3,5÷4m) bố trí các bơm chuyển tiếp.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt cửa ngõ phía tây: Công suất dự kiến: 600 m³/ngày.đêm; phạm vi phục vụ các khu vực: Đồi núi Bắc (tính theo lượt khác du lịch dự báo cho Khu di tích lịch sử Nhà Trần); sử dụng hệ thống thoát nước riêng, đường kính từ D300; tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn (từ 3,5÷4m) bố trí các bơm chuyển tiếp.

+ Lưu vực các xã nông thôn: nước thải thoát chung và thoát về hệ thống sông suối gần nhất sau khi được xử lý sơ bộ tại các hộ gia đình.

- Nước thải công nghiệp: Nước thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xử lý cục bộ trong nhà máy sau đó đưa về xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp để xử lý tập trung; nước thải tại các nhà máy xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xử lý nước thải cục bộ trong nhà máy và cơ sở sản xuất; nước thải sau khi xử lý qua trạm/nhà máy xử lý phải đạt yêu cầu tại các quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT, QCVN 28:2010/BTNMT, QCVN 50:2013/BTNMT phù hợp với từng loại nước thải và nguồn tiếp nhận (với các trạm xử lý nước thải của từng nhà máy/khu công nghiệp, nước thải sau khi xử lý phải đạt yêu cầu của quy chuẩn có liên quan: QCVN 01:2008/BTNMT; QCVN 11:2008/BTNMT; QCVN 12:2008/BTNMT; QCVN 13:2008/BTNMT; QCVN 25:2009/BTNMT; QCVN 29:2010/BTNMT; QCVN 36:2010/BTNMT; QCVN 52:2013/BTNMT).

- Nước thải y tế: Đối với các bệnh viện lớn của thành phố, nước thải yêu cầu phải được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định tại QCVN 28:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải Y tế) sau đó mới được xả ra hệ thống thoát nước đô thị.

b. Thu gom, xử lý chất thải rắn:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt toàn thành phố đến năm 2030 khoảng 240 tấn/ngày.đêm.

- Xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại vị trí xã Trảng Lương với công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh công suất 200 tấn/ngày.đêm (Giai đoạn 1:100 tấn/ngày.đêm) để chủ động trong việc xử lý chất thải rắn của thị xã; định hướng lâu dài thực hiện theo quy hoạch vùng tỉnh (Chất thải rắn được xử lý tại khu xử lý chất thải rắn Miền Tây của tỉnh tại thành phố Ôn Bì).

- Thúc đẩy việc áp dụng phương pháp phân loại xử lý và 3R (Recycle- Tái chế, Reuse-Tái sử dụng, Reduce-Giảm thiểu). Giảm lượng thải - Tăng tái chế - Tái sử dụng chất thải rắn. Chỉ chôn lấp chất thải rắn không thể tái chế, giảm nhu cầu đất dành cho xử lý chất thải rắn.

- Chất thải rắn công nghiệp: Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp riêng. Đối với chất thải rắn nguy hại, thực hiện chôn lấp tại bãi dành riêng cho chất thải rắn nguy hại theo các quy định, chỉ đạo của cơ quan quản lý quốc gia về bảo vệ môi trường. Ngoài ra, một phần dùng để tái chế.

- Chất thải rắn y tế: Các bệnh viện, cơ sở y tế tự trang bị lò đốt và khu xử lý chất thải rắn y tế.

c. Nghĩa trang:

- Xây dựng nghĩa trang có quy mô tập trung và công viên nghĩa trang trong đó có nhiều loại hình táng để phục vụ lâu dài; xây dựng mới khu nghĩa Trang công viên tại 2 khu vực xã Hoàng Quế và xã An Sinh đảm bảo các yêu cầu và tiêu chí đô thị loại II theo quy định;

- Bố trí bổ sung nhà tang lễ trong khu vực mở rộng của Bệnh viện Đông Triều; ngoài ra còn thực hiện theo mô hình tập trung tại tiểu vùng phía Tây tỉnh Quảng Ninh theo định hướng Quy hoạch vùng tỉnh Quảng Ninh (Khu vực hỏa táng sẽ sử dụng nhà tang lễ tại thành phố Ôn Bì - Nhà tang lễ của tiểu vùng phía Tây của tỉnh).

- Các nghĩa trang tại khu vực các xã: Rà soát, đánh giá lại các nghĩa trang theo Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới để tổ chức thành các nghĩa trang tập trung phục vụ các cụm xã đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, tập quán sinh hoạt.

- Xây dựng lộ trình đóng cửa, di chuyển về nghĩa trang tập trung mới của đô thị đối với các nghĩa trang hiện có nằm trong khu vực phát triển đô thị.

- Từng bước cải tạo, mở rộng diện tích, xây dựng hoàn thiện hạ tầng theo các quy định hiện hành về chỉ tiêu đất nghĩa trang, vệ sinh môi trường đối với

các nghĩa trang hiện có nằm ngoài khu vực phát triển đô thị, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường.

9. Các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường chiến lược:

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ quỹ rừng, các hệ sinh thái đặc trưng.

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Xây dựng Quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn...

- Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (Khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung...) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

- Khai thác và quy hoạch sử dụng đất đúng mục đích, tận dụng quỹ đất xây dựng đô thị, tránh phát triển tràn lan. Phát triển đô thị cần quan tâm đến biến đổi khí hậu, rủi ro và tai biến môi trường. Cần tiến hành đo đạc, khảo sát, khoanh vùng hạn chế phát triển nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đối với người dân và môi trường.

- Phát triển hợp lý các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn và cần có kế hoạch di dời các cơ sở công nghiệp xen lẫn khu dân cư ra khu vực ngoại thị; di dời các nhà máy sản xuất gạch dọc theo sông Cầm trong giai đoạn dài hạn để đảm bảo cảnh quan, môi trường và nguồn nước.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Các dự án đô thị tiến hành sớm và đóng vai trò là yếu tố phát triển chiến lược, gồm: Đô thị nông nghiệp mới, đặc biệt là khu phía Tây; đô thị trung tâm hành chính mới, đặc biệt là khu ven tuyến đường trung tâm; đô thị cửa ngõ; các công trình công cộng; trường đại học.

- Các dự án hạ tầng kỹ thuật và xã hội ưu tiên đầu tư, gồm:

+ Tuyến đường trung tâm; mở rộng Quốc lộ 18; đường tránh Quốc lộ 18; tuyến đường du lịch; các tuyến đường đối ngoại khác, đường nội thị khác.

+ Các tuyến đê sông Đá Vách, sông Cầm; gia cố ta luy tại các khu dân cư sạt lở và di dời các hộ dân theo Đề án di dân đã thực hiện trên địa bàn thị xã; xây dựng các công trình thoát nước mưa tại các đô thị mới.

+ Xây dựng hồ nhà máy nước Hồ Khe Chè, cải tạo đập Khe Chè; nâng công suất nhà máy nước Đông Triều, Mạo Khê.

+ Xây dựng trạm điện 110 KV Mạo Khê giai đoạn đầu cung cấp cho khu vực Mạo Khê; trạm điện 110 KV Đông Triều 2 giai đoạn đầu cung cấp cho Đô thị nông nghiệp; nâng công suất trạm nguồn Tràng Bạch.

+ Tại các khu vực phát triển mới, xây dựng các tuyến cáp thông tin liên lạc trọng yếu, các trạm BTS.

+ Xây dựng tuyến thoát nước thải cho khu vực phường Đông Triều, Mạo Khê, khu trung tâm hành chính mới; xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho khu trung tâm hành chính mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND thị xã Đông Triều:

- Lưu trữ, lưu trữ hồ sơ đồ án quy hoạch; tổ chức công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt; triển khai công tác cắm mốc giới tại thực địa theo quy định; quản lý, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định pháp luật hiện hành.

- Lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc toàn đô thị và Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030 làm cơ sở để quản lý đầu tư phát triển đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức phê duyệt Kế hoạch lập các quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 các phường, xã hoặc khu chức năng nhằm cụ thể hóa đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều và bố trí kinh phí thực hiện làm cơ sở quản lý, kêu gọi đầu tư và triển khai các dự án thành phần.

- Khái toán kinh phí thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư ưu tiên đề lập, phê duyệt Danh mục, kế hoạch triển khai các dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn, theo từng nhóm dự án nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường thị xã Đông Triều;

- Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách; tổ chức huy động các nguồn lực đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình điểm nhấn và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch;

2. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng; phối hợp giúp UBND thị xã Đông Triều quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, đặc biệt là một số khu vực có giá trị kiến trúc, cảnh quan theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

3. Các Sở, ban, ngành liên quan phối hợp với UBND thị xã Đông Triều quản lý ngành theo quy hoạch và theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông Vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao, Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ,

Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế; Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các địa phương: Uông Bí, Đông Triều; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
 - Như điều 2 (thực hiện);
 - V0-V5, QLĐĐ1, XD1-5, XV1-3, DL1-2, GD, MT, CN, TH1;
 - Trung tâm Thông tin;
 - Lưu: VT, QH1.
- 30 bản-QĐ58-07

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Long